TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/HSST
Ngày 26 - 10 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lam và bà Nguyễn Thị Hải.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Trương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 92/2023/TLST - HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/TLST- HS ngày 10 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

Phan Hoàng H; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 19/3/1994 tại B, Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chổ ở: thôn Q, xã T, B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề ngH: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Phan Văn C và bà Phan Thị H; Cả hai đều trú tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vợ: Trần Thị O, sinh năm 1995; con: có 02 con (con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo Phan Hoàng H bị tạm giữ tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 20/4/2023 đến ngày 26/4/2023 được hủy bỏ Quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 26/4/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Ngọc Phi H2, sinh năm 2004. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 2004. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Khánh T, sinh năm 2005. Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 2005. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Đặng Thị T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

3. Anh Phan Văn H3, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023, Phan Hoàng H, trú tại: thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã cho 05 người vay lãi nặng như sau:

1. Cho Nguyễn Khánh T, sinh ngày 14/01/2005, trú tại thôn T, xã T, huyện B vay 03 lần (tổng số tiền vay 75.000.000 đồng):

Lần thứ nhất: Ngày 19/8/2022 H cho T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T viết Giấy mượn tiền rồi đưa Căn cước công dân của T cùng Giấy vay tiền cho H giữ. H thu lãi trước 10 ngày 2.000.000 đồng. H chuyển khoản 18.000.000 đồng đến số tài khoản của Đặng Thị T (mẹ của T), sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã T. Khoảng 09 ngày sau, Nguyễn Khánh T đến trả cho H 20.000.000 đồng, H trả lại căn cước công dân cho T và xé giấy mượn tiền. Tiền lãi được hưởng 20% theo quy định 109.589 đồng. Tiền thu lợi bất chính 1.890.411 đồng. Lãi suất cho vay là 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Lần thứ 2: Ngày 05/02/2023 H cho T vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. H thu lãi trước 10 ngày 2.500.000 đồng. Vì đang ở xa nên H đã chuyển khoản 22.500.000 đồng đến số tài khoản của Nguyên Văn

T2, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã T và nhờ T2 đưa cho T. Tối cùng ngày T đến gặp T2 lấy 22.500.000 đồng. Khoảng 09 ngày sau, T đã trả cho H 25.000.000 đồng. Tiền lãi được hưởng 20% theo quy định 136.986 đồng. Tiền thu lợi bất chính 2.363.014 đồng. Lãi suất cho vay là 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Lần thứ 3: Ngày 16/02/2023 H cho T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. H thu lãi trước 10 ngày 2.000.000 đồng. H chuyển khoản 18.000.000 đồng đến số tài khoản của Nguyễn Khánh T. Hai ngày sau, T gặp H vay tiếp 10.000.000 đồng. H thu lãi trước 10 ngày 1.000.000 đồng. H đưa cho T 9.000.000 đồng. T viết giấy vay chung của hai lần là 30.000.000 đồng. Khoảng 09 ngày sau, T đã trả cho H 30.000.000 đồng. H trả lại căn cước công dân cho T và xé giấy mượn tiền. Tiền lãi được hưởng 20% theo quy định 164.384 đồng. Tiền thu lợi bất chính 2.835.616 đồng. Lãi suất cho vay là 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

2. Cho chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã T, huyện B vay 01 lần (số tiền 100.000.000 đồng): Ngày 19/01/2023 H cho chị H1 vay 100.000.000 đồng, chị H1 viết giấy mượn tiền rồi cầm căn cước công dân cùng giấy mượn tiền lên trước ngực để H chụp ảnh. Chị H1 đưa Giấy đăng ký xe mô tô số 029086 cấp ngày 19/02/2019, Căn cước công dân số 044189005703 mang tên Nguyễn Thị H1 và Giấy mượn tiền cho H giữ. H sử dụng điện thoại Iphone 8 plus chuyển khoản 100.000.000 đồng đến số tài khoản của chị H1. 10 ngày trả lãi 01 lần, lãi suất 10 ngày đầu là 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Chị H1 đã trả cho H 7.000.000 đồng tiền lãi. Ba vòng tiếp theo (vòng 10 ngày, tương ứng 30 ngày) lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, H thu 15.000.000 đồng tiền lãi. Tổng chị H1 đã trả cho H 22.000.000 đồng tiền lãi. Chị H1 đã trả cho H 60.000.000 đồng tiền gốc, còn 40.000.000 đồng tiền gốc chưa trả. Tiền lãi được hưởng 20% theo quy định 2.191.780 đồng. Tiền thu lợi bất chính 19.808.220 đồng. Lãi suất cho vay 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày là 255,5%/năm, gấp 12,775 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự; Lãi suất cho vay 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

3. Cho anh Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 06/6/2004, trú tại thôn T, xã T, huyện B vay 01 lần: Ngày 09/02/2023 H cho B vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. H thu lãi trước 10 ngày 2.500.000 đồng. H sử dụng điện thoại Iphone 8 plus chuyển khoản cho B 22.500.000 đồng. Đến hạn B đã trả cho H 25.000.000 đồng. Tiền lãi được hưởng 20% theo quy định 136.986 đồng. Tiền thu lợi bất chính 2.363.014 đồng. Lãi suất cho vay là 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

4. Cho anh Nguyễn Ngọc Phi H2, sinh ngày 08/7/2004, trú tại thôn T, xã T, huyện B vay 01 lần: Ngày 15/02/2023 H cho H2 vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày,

lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. H thu lãi trước 10 ngày 2.000.000 đồng. H2 nhận 18.000.000 đồng. Ngày 19/02/2023 bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967, trú tại thôn T, xã T (mẹ của H2) đến trả cho H 20.000.000 đồng. Tiền lãi được hưởng 20% theo quy định 109.589 đồng. Tiền thu lợi bất chính 1.890.411 đồng. Lãi suất cho vay là 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

5. Cho anh Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 20/10/2005, trú tại thôn T, xã T vay 02 lần (tổng số tiền vay 60.000.000 đồng):

Lần thứ nhất: Ngày 03/02/2023 H cho Q vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 20 ngày, 10 ngày trả lãi một lần, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Do đang ở Hà Tĩnh nên qua điện thoại H hướng dẫn Q viết giấy vay tiền. H thu lãi 10 ngày đầu 2.000.000 đồng. H chuyển khoản 18.000.000 đồng đến số tài khoản của Nguyễn Văn T2 (bạn của H), sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã T nhờ T2 đưa cho Q. Cùng ngày Q đã gặp T2 lấy 18.000.000 đồng. Ngày 13/02/2023, Nguyễn Xuân Q gặp H trả lãi 10 ngày tiếp theo 2.000.000 đồng. Tổng H thu tiền lãi từ Q 4.000.000 đồng. Ngày 20/02/2023 Q đã trả cho H 11.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 9.000.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi được hưởng 20% theo quy định 219.178 đồng. Tiền thu lợi bất chính 3.780.822 đồng. Lãi suất cho vay là 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Lần thứ 2: Ngày 23/02/2023, H cho Q vay 40.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, 10 ngày trả lãi 01 lần. Lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Q viết giấy mượn tiền rồi cầm căn cước công dân cùng giấy mượn tiền lên trước ngực để H chụp ảnh. Q đưa căn cước công dân của Q cho H giữ và giấy mượn tiền. H thu lãi trước 10 ngày 4.000.000 đồng. Q trả cho H 9.000.000 đồng tiền nợ. Còn lại H chuyển cho Q 27.000.000 đồng. H mượn của Phan Văn H3, sinh năm 1992, trú tại thôn Q, xã T 27.000.000 đồng để đưa cho Q. Ngày hôm sau, H đã trả cho H3 27.000.000 đồng. Sau đó, Q đã 03 lần trả tiền lãi cho H, mỗi lần 4.000.000 đồng. Tổng H thu tiền lãi từ Q là 16.000.000 đồng. Nợ gốc 40.000.000 đồng chưa trả. Tiền lãi được hưởng 20% theo quy định 876.712 đồng. Tiền thu lợi bất chính 15.123.288 đồng. Lãi suất cho vay là 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Tổng số tiền Phan Hoàng H cho 05 người vay là 280.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính 50.054.796 đồng.

Quá trình điều tra Phan Hoàng H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT công an huyện Bố Trạch tạm giữ 01 Căn cước công dân số 044205002077 mang tên Nguyễn Xuân Q; 01 Căn cước công dân số 044189005703 mang tên Nguyễn Thị H1; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 029086 cấp ngày 19/02/2019, BKS 73F1-440.65 mang tên Nguyễn Thị H1; 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 19/01/2023 mang tên Nguyễn Thị H1; 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 03/02/2023 mang tên Nguyễn Xuân Q; 01 giấy mượn tiền viết tay ngày

23/02/2023 mang tên Nguyễn Xuân Q; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu vàng, số máy MQ8R2KH/A, số Imei 359402084475149 (đã qua sử dụng) hiện chưa xử lý.

Tại bản cáo trạng số 94/CT - VKSBT ngày 08/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Bố Trạch để xét xử Phan Hoàng H có lý lịch nêu trên, về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự như đã nêu trên, và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 47; Điều 35 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đối với Phan Hoàng H.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Phan Hoàng H từ 60.000.000đ (sáu mươi triệu đông) đến 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý số tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm (Biện pháp tư pháp): Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền gốc 200.000.000 đồng những người vay đã trả cho bị cáo + số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự) mà bị cáo đã thu của người vay là 3.945.204đ. Tổng số tiền buộc bị cáo phải nộp để sung quỹ nhà nước là 203.945.204đ (hai trăm lẻ ba triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ tư đồng).

Trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu của họ, cụ thể:

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Khánh T số tiền 7.089.041 (bảy triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, không bốn mốt đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Thị H1 số tiền 19.808.220đ (mười chín triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, hai trăm lẻ hai đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Ngọc B số tiền 2.363.014đ (hai triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười bốn đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Ngọc Phi H2 số tiền 1.890.411đ (một triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Xuân Q số tiền 18.904.110đ (mười tám triệu, chín trăm lẻ tư nghìn, một trăm mười một đồng).

Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho bị cáo, cụ thể: Anh Nguyễn Xuân Q còn nợ 40.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị H1 còn nợ 40.000.000 đồng. Đây là số tiền dùng vào việc phạm tội, nên cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp lại tiền để sung Ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng vụ án cụ thể như sau:

+ Trả lại 01 Căn cước công dân số 044205002077 mang tên Nguyễn Xuân Q cho anh Q; 01 Căn cước công dân số 044189005703 mang tên Nguyễn Thị H1 cho chị H1; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 029086 cấp ngày 19/02/2019, BKS 73F1 - 440.65 mang tên Nguyễn Thị H1 cho chị H1.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu vàng, số máy MQ8R2KH/A, số Imei 359402084475149 (đã qua sử dụng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

+ Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 19/01/2023 mang tên Nguyễn Thị H1; 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 03/02/2023 mang tên Nguyễn Xuân Q; 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 23/02/2023 mang tên Nguyễn Xuân Q.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên toà, bị cáo nói lời sau cùng là đã thấy được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để có điều kiện cải tạo tốt, sớm hoà nhập cộng đồng làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bố Trạch, Điều tra viên Công an huyện Bố Trạch, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên toà vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có lý do mặc dù đã được Toà án gửi giấy triệu tập đến phiên toà hợp lệ, tuy nhiên họ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẻ công bố lời khai của họ, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người nói trên.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Lời khai nhận tội của bị cáo có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có tại hồ sơ vụ án, không gian, thời gian, địa điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, tài sản chiếm đoạt bị phát hiện và thu giữ hoàn toàn phù hợp nhau. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023, Phan Hoàng H đã cho anh Nguyễn Khánh T, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Ngọc B, anh Nguyễn Ngọc Phi H2 và anh Nguyễn Xuân Q vay tổng số tiền 280.000.000 đồng với lãi suất thấp nhất là 182,5%/năm, cao nhất là 365%/năm. Vượt gấp 9,125 đến 18,25 lần quy định tại Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền 50.054.796 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác định nội dung vụ án như trình bày ở trên là hoàn toàn đúng, do vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Hoàng H có lý lịch nêu trên phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[3] Xét tính chất hành vi, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra trong vụ án, thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về hoạt động tín dụng, mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân, trị giá tài sản bị cáo cho vay là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), thu lợi bất chính số tiền 50.054.796 đồng (năm mươi triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm chín mươi sáu đồng). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên toà về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nên đối với bị cáo cần xử phạt mức án tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà ngày hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Đối với bị cáo cần xử phạt mức hình phạt tiền là phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", nhưng cũng cần xem xét để giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với bị cáo

là đã có tác dụng giáo dục, răn đe riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hiện nay bị cáo chưa có công việc làm thường xuyên, thu nhập không ổn định nên cần miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý số tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm (Biện pháp tư pháp):

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền gốc 200.000.000 đồng những người vay đã trả cho bị cáo + số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự) mà bị cáo đã thu của người vay là 3.945.204đ. Tổng số tiền buộc bị cáo phải nộp để sung quỹ nhà nước là 203.945.204đ (hai trăm lẻ ba triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ tư đồng).

Trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu của họ, cụ thể:

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Khánh T số tiền 7.089.041 (bảy triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, không bốn mốt đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Thị H1 số tiền 19.808.220đ (mười chín triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, hai trăm lẻ hai đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Ngọc B số tiền 2.363.014đ (hai triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười bốn đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Ngọc Phi H2 số tiền 1.890.411đ (một triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Xuân Q số tiền 18.904.110đ (mười tám triệu, chín trăm lẻ tư nghìn, một trăm mười một đồng).

Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho bị cáo, cụ thể: Anh Nguyễn Xuân Q còn nợ 40.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị H1 còn nợ 40.000.000 đồng. Đây là số tiền dùng vào việc phạm tội, nên cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp lại tiền để sung Ngân sách nhà nước.

[9] Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại 01 Căn cước công dân số 044205002077 mang tên Nguyễn Xuân Q cho anh Q; 01 Căn cước công dân số 044189005703 mang tên Nguyễn Thị H1 cho chị H1; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 029086 cấp ngày 19/02/2019, BKS 73F1 - 440.65 mang tên Nguyễn Thị H1 cho chị H1.

Số vật chứng này sẻ được Tòa án chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự để thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu vàng, số máy MQ8R2KH/A, số Imei 359402084475149 (đã qua sử dụng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Số vật chứng này hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

+ Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 19/01/2023 mang tên Nguyễn Thị H1; 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 03/02/2023 mang tên Nguyễn Xuân Q; 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 23/02/2023 mang tên Nguyễn Xuân Q.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 46, 47 và Điều 35 Bộ luật hình sự; Điều 106 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án đối với Phan Hoàng H.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Hoàng H phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

[2] Về hình phạt: Xử phạt:

Bị cáo 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

[3] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý số tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm (Biện pháp tư pháp):

[4.1] Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền gốc 200.000.000 đồng những người vay đã trả cho bị cáo + số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự) mà bị cáo đã thu của người vay là 3.945.204đ. Tổng số tiền buộc bị cáo phải nộp để sung quỹ nhà nước là 203.945.204đ (hai trăm lẻ ba triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ tư đồng).

[4.2] Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Xuân Q nộp lại số tiền 40.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị H1 nộp lại số tiền 40.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[4.3] Trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu của họ, cụ thể:

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Khánh T số tiền 7.089.041 (bảy triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, không bốn mốt đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Thị H1 số tiền 19.808.220đ (mười chín triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, hai trăm lẻ hai đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Ngọc B số tiền 2.363.014đ (hai triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười bốn đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Ngọc Phi H2 số tiền 1.890.411đ (một triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho Nguyễn Xuân Q số tiền 18.904.110đ (mười tám triệu, chín trăm lẻ tư nghìn, một trăm mười một đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại 01 Căn cước công dân số 044205002077 mang tên Nguyễn Xuân Q cho anh Q; 01 Căn cước công dân số 044189005703 mang tên Nguyễn Thị H1 cho chị H1; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 029086 cấp ngày 19/02/2019, BKS 73F1 - 440.65 mang tên Nguyễn Thị H1 cho chị H1.

Số vật chứng này sẻ được Tòa án chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự để thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu vàng, số máy MQ8R2KH/A, số Imei 359402084475149 (đã qua sử dụng).

Số vật chứng này hiện có tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bố Trạch theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18/9/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bố Trạch.

+ Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 19/01/2023 mang tên Nguyễn Thị H1; 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 03/02/2023 mang tên Nguyễn Xuân Q; 01 giấy mượn tiền viết tay ngày 23/02/2023 mang tên Nguyễn Xuân Q.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Phan Hoàng H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án sơ thẩm (26/10/2023). Riêng người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- Sở TP tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- PV 06 (Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CAQB);
- VKSND huyện BT;
- Công an huyện BT;
- Cơ quan THAHS Bố Trạch;
- Chi cục THABT;
- UB xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HSVA;
- Lưu AV;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Phú Quảng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phú Quảng